

BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - CUỐI NĂM THEO THÔNG TƯ 09

Năm học :	Năm học: 2024-2025
Trường :	Tiểu học Gia Lương

1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					Lớp 5					
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	
1. Kết quả học tập																												
1. Tiếng Việt	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		304	65	33					58	32					57	37					57	34					67	35
Hoàn thành		151	20	7				1	34	8					27	12					41	9			2	29	5	
Chưa hoàn thành		6	4	1											2													
2. Toán	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		331	67	34					68	33					60	38					58	31					78	37
Hoàn thành		127	19	7				1	24	7					26	11					40	12				2	18	3
Chưa hoàn thành		3	3																									
3. Đạo đức	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		336	67	35					62	32					63	39					65	36					79	39
Hoàn thành		125	22	6				1	30	8					23	10					33	7				2	17	1
Chưa hoàn thành																												
4. Tự nhiên và Xã hội	267	267	89	41				1	92	40					86	49												
Hoàn thành tốt		187	66	34					60	31					61	39												
Hoàn thành		80	23	7				1	32	9					25	10												
Chưa hoàn thành																												
5. Khoa học	194	194																			98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		152																			73	37					79	38
Hoàn thành		42																			25	6				2	17	2
Chưa hoàn thành																												
6. LS&DL	194	194																			98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		147																			64	36					83	37
Hoàn thành		47																			34	7				2	13	3
Chưa hoàn thành																												
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		327	69	36					59	31					65	41					64	37					70	34
Hoàn thành		134	20	5				1	33	9					21	8					34	6				2	26	6
Chưa hoàn thành																												
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		317	71	38					59	32					60	40					56	33					71	36
Hoàn thành		144	18	3				1	33	8					26	9					42	10				2	25	4
Chưa hoàn thành																												
9. Hoạt động trải nghiệm	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		329	66	35					63	33					64	39					65	36					71	35
Hoàn thành		132	23	6				1	29	7					22	10					33	7				2	25	5
Chưa hoàn thành																												
10. Giáo dục thể chất	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		349	67	36					62	34					64	41					78	38					78	35
Hoàn thành		112	22	5				1	30	6					22	8					20	5				2	18	5
Chưa hoàn thành																												
11. TH-CN (Công nghệ)	280	280													86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		190													59	37					61	32					70	36
Hoàn thành		90													27	12					37	11				2	26	4
Chưa hoàn thành																												
12. TH-CN (Tin học)	461	280													86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		186													58	37					59	33					69	34
Hoàn thành		94													28	12					39	10				2	27	6
Chưa hoàn thành																												
13. Ngoại ngữ	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40
Hoàn thành tốt		308	67	33					61	33					56	35					55	32					69	34
Hoàn thành		153	22	8				1	31	7					30	14					43	11				2	27	6
Chưa hoàn thành																												
14. Tiếng dân tộc																												
Hoàn thành tốt																												
Hoàn thành																												
Chưa hoàn thành																												
II. Năng lực cốt lõi																												
Năng lực chung																												
Tự chủ và tự học	461	461	89	41				1	92	40					86	49					98	43				2	96	40

Tốt		331	66	34				60	31					70	41				60	31					75	36				
Đạt		126	21	7			1	32	9					14	8				38	12				2	21	4				
Cần cố gắng		4	2											2																
Giao tiếp và hợp tác	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		337	69	35				63	33					68	41				60	32					77	36				
Đạt		123	19	6			1	29	7					18	8				38	11				2	19	4				
Cần cố gắng		1	1																											
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		311	64	33				62	33					59	38				57	31					69	34				
Đạt		146	23	8			1	30	7					25	11				41	12				2	27	6				
Cần cố gắng		4	2											2																
Năng lực đặc thù																														
Ngôn ngữ	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		324	67	36				62	33					60	38				63	33					72	35				
Đạt		131	18	4			1	30	7					24	11				35	10				2	24	5				
Cần cố gắng		6	4	1										2																
Tính toán	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		322	66	34				66	33					57	36				63	32					70	34				
Đạt		136	20	7			1	26	7					29	13				35	11				2	26	6				
Cần cố gắng		3	3																											
Tin học	280	280												86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		191												57	36				66	34					68	34				
Đạt		89												29	13				32	9				2	28	6				
Cần cố gắng																														
Công nghệ	280	280												86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		197												59	37				66	34					72	35				
Đạt		83												27	12				32	9				2	24	5				
Cần cố gắng																														
Khoa học	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		323	64	33				63	33					60	37				65	33					71	35				
Đạt		138	25	8			1	29	7					26	12				33	10				2	25	5				
Cần cố gắng																														
Thẩm mĩ	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		328	68	37				64	33					59	38				66	34					71	35				
Đạt		133	21	4			1	28	7					27	11				32	9				2	25	5				
Cần cố gắng																														
Thể chất	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		336	70	38				62	33					61	39				69	34					74	36				
Đạt		125	19	3			1	30	7					25	10				29	9				2	22	4				
Cần cố gắng																														
III. Phẩm chất chủ yếu																														
Yêu nước	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		400	87	41			1	78	38					66	41				84	40				1	85	39				
Đạt		61	2					14	2					20	8				14	3				1	11	1				
Cần cố gắng																														
Nhân ái	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		382	83	41			1	68	35					65	40				81	40				1	85	39				
Đạt		79	6					24	5					21	9				17	3				1	11	1				
Cần cố gắng																														
Chăm chỉ	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		355	68	36				71	34					64	39				69	37					83	39				
Đạt		104	21	5			1	21	6					20	10				29	6				2	13	1				
Cần cố gắng		2												2																
Trung thực	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		368	79	39			1	64	34					65	40				77	38					83	39				
Đạt		93	10	2				28	6					21	9				21	5				2	13	1				
Cần cố gắng																														
Trách nhiệm	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
Tốt		361	72	38				65	34					65	40				77	39					82	39				
Đạt		99	16	3			1	27	6					21	9				21	4				2	14	1				
Cần cố gắng		1	1																											
IV. Đánh giá KQGD	461	461	89	41			1	92	40					86	49				98	43				2	96	40				
- Hoàn thành xuất		210	49	28				44	26					40	25				39	25					37	18				
- Hoàn thành tốt		79	15	5				11	3					14	9				11	4					28	16				
- Hoàn thành		167	21	7			1	37	11					30	15				48	14				2	31	6				
- Chưa hoàn thành		6	4	1										2																
V. Khen thưởng		288	64	33				55	29					54	34				50	29					65	34				
- Giấy khen cấp trường		288	64	33				55	29					54	34				50	29					65	34				
- Giấy khen cấp trên																														
VI. HSDT được trợ giảng																														

VII. HS.K.Tật		3	1					1												2	1					2					
VIII. HS bỏ học kỳ II																															
+ Hoàn cảnh GDKK																															
+ KK trong học tập																															
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																															
+ Thiên tai, dịch bệnh																															
+ Nguyên nhân khác																															
IX. Chương trình lớp học☐	461	461	89	41				1	92	40				86	49				98	43					2	96	40				
Hoàn thành	455	455	85	40				1	92	40				84	49				98	43					2	96	40				
Chưa hoàn thành☐	6	6	4	1										2																	

Gia Tiên , ngày 29 tháng 5 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]

Phạm Thị Lý